

Bản án số: 08/2023/HNGĐ-PT

Ngày: 20-12-2023

V/v ly hôn, tranh chấp
về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thu Lan

Các Thẩm phán: Ông Trần Mười

Bà Trần Thị Túc

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trà Thảo Vân Linh - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi:** Bà Bùi Thị Thanh Hiền - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 20 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Quảng Ngãi mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 09/2023/TLPT-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2023, về việc: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2023/HNGĐ-ST ngày 11 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 122/2023/QĐ-PT ngày 21 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Đặng Thị Thành Y – sinh năm 2001; cư trú tại thôn H, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

- **Bị đơn:** Anh Lê Văn Tuấn T1 – sinh năm 1996; cư trú tại xóm C, thôn H1, xã N1, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

- **Người kháng cáo:** Anh Lê Văn Tuấn T1 là bị đơn.

(Chị Đặng Thị Thành Y và anh Lê Văn Tuấn T1 đều có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo Đơn khởi kiện đề ngày 29/6/2023, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là chị Đặng Thị Thành Y trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lê Văn Tuấn T1 tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) xã N1, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 03/5/2019. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm nên thường xuyên cãi vã; anh T1 ghen tuông vô cớ nên có những lời lẽ thô tục, xúc phạm chị. Nay, chị xét thấy vợ chồng không còn tình cảm, không còn sống chung, không quan tâm chăm sóc cho nhau, mâu thuẫn ngày thêm trầm trọng không thể hòa giải được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T1.

Về con chung: Chị và anh T1 có 01 (một) con chung là cháu Lê Gia H1 - sinh ngày 25/02/2019, hiện đang sống cùng anh T1. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con mà không cần anh T1 phải cấp dưỡng nuôi con. Trong thời gian vợ chồng không sống chung, anh T1 giành quyền nuôi con và luôn gây cản trở không cho chị thăm nom, chăm sóc con.

Hiện chị đang làm Công nhân tại Công ty TNHH S tại Khu công nghiệp VSIP Quảng Ngãi, thu nhập ổn định trung bình 7.500.000 đồng/tháng và đang ở chung với cha mẹ đẻ tại thôn H, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi nên có đủ điều kiện để nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

** Tại Văn bản trình bày ý kiến ngày 12/7/2023; các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn là anh Lê Văn Tuấn T1 trình bày:*

Anh thống nhất với trình bày của chị Đặng Thị Thành Y về quan hệ hôn nhân và con chung, nhưng nguyên nhân vợ chồng phát sinh mâu thuẫn chủ yếu do chị Y không quan tâm đến gia đình, không chung thủy nên vợ chồng không tin tưởng, không còn tình cảm. Hiện anh và chị Y không còn chung sống với nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ để xây dựng hạnh phúc gia đình và cùng nuôi dưỡng con trưởng thành vì anh vẫn còn tình cảm với chị Y, nhưng chị Y cương quyết ly hôn thì anh đồng ý.

Về con chung: Cháu Lê Gia H1 từ khi sinh ra đến nay đều do ông, bà nội chăm sóc; vợ chồng anh chỉ cần lo làm ăn và gửi tiền cho ông, bà nội nuôi cháu. Hiện cháu đang ở với anh và ông, bà nội nên khi ly hôn, anh yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu H1, không yêu cầu chị Y cấp dưỡng nuôi con. Anh làm nghề phụ xe, giao nhận hàng thuê cho Hộ kinh doanh T2, thu

nhập khoảng 10.000.000 đồng - 12.000.000 đồng/tháng và sống chung với cha mẹ đẻ tại thôn H1, xã N1, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi nên anh có đủ điều kiện, khả năng để nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

** Bản án số 20/2023/HNGĐ-ST ngày 11 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện T đã xử:*

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Đặng Thị Thành Y và anh Lê Văn Tuấn T1.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Lê Gia H1 - sinh ngày 25/02/2019 cho chị Đặng Thị Thành Y trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; anh Lê Văn Tuấn T1 không cấp dưỡng cho con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được quyền cản trở. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Tài sản chung, nợ chung: Không có.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

* Ngày 18/9 và ngày 26/9/2023, anh Lê Văn Tuấn T1 có đơn kháng cáo, đơn kháng cáo bổ sung đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm: Sửa một phần bản án sơ thẩm, giao con chung là cháu Lê Gia H1 – sinh ngày 25/02/2019 cho anh trực tiếp nuôi dưỡng; anh không yêu cầu chị Đặng Thị Thành Y phải cấp dưỡng nuôi con.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, đương sự kể từ khi Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Đơn kháng cáo của bị đơn làm trong hạn luật định là hợp lệ theo các Điều 272, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, chấp nhận kháng cáo của anh T1, sửa bản án sơ thẩm, giao con chung là cháu Lê Gia H1 – sinh ngày 25/02/2019 cho anh T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; chị Y không cấp dưỡng nuôi con; chị Y có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở. Các phần khác của bản án không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn

kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật; về án phí giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ngày 11/9/2023, Tòa án nhân dân huyện T xét xử vụ án nêu trên. Ngày 18/9 và ngày 26/9/2023, anh Lê Văn Tuấn T1 có đơn kháng cáo, đơn kháng cáo bổ sung là còn trong thời hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, được chấp nhận.

[2] Xét kháng cáo của anh Lê Văn Tuấn T1 yêu cầu được nuôi dưỡng con chung là cháu Lê Gia H1, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Chị Đặng Thị Thành Y và anh Lê Văn Tuấn T1 đều có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Đây là nguyện vọng chính đáng, vừa thể hiện trách nhiệm, nghĩa vụ và cũng là quyền lợi của người làm cha, làm mẹ. Tuy nhiên, việc giao con chung cho bên nào trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng thì phải xem xét quyền lợi về mọi mặt của con.

[2.2] Xét về điều kiện nuôi con: Anh T1 trình bày anh làm nghề phụ xe, giao nhận hàng thuê cho Hộ kinh doanh T2 với mức thu nhập khoảng 10.000.000 đồng - 12.000.000 đồng/tháng. Chị Y trình bày chị đang làm Công nhân tại Công ty TNHH S tại Khu công nghiệp VSIP Quảng Ngãi, thu nhập trung bình 7.500.000 đồng/tháng. Anh T1 và chị Y đều cho rằng anh, chị có thu nhập ổn định. Mặc dù, cả hai đều thừa nhận chưa có nhà ở riêng, còn sống chung với cha mẹ đẻ, nhưng vẫn đảm bảo về chỗ ở, điều kiện chăm lo cho cuộc sống và học tập của con như nhau.

[2.3] Anh T1 và chị Y đều thừa nhận từ khi sinh ra, cháu Lê Gia H1 đã sống cùng ông, bà nội và được ông, bà nội hỗ trợ chăm sóc. Chị Y thừa nhận khi chị còn chung sống với anh T1 tại nhà cha, mẹ đẻ của anh T1 (tức cha, mẹ chồng của chị và là ông, bà nội của cháu H1) thì khi chị đi làm về, cha mẹ chồng của chị đã tắm rửa và cho cháu H1 ăn xong; chị chỉ chơi với con một lúc rồi cho cháu đi ngủ; chị Y cũng thừa nhận nếu giao con cho chị nuôi thì chị cũng phải nhờ cha, mẹ đẻ của chị hỗ trợ chăm sóc, đưa đón cháu H1 đi học vì chị đi làm từ sớm và làm từ thứ 2 đến thứ 7, nên không thể đưa đón cháu H1 đi học được; trong khi đó, hiện cháu H1 đang đi học tại Trường mầm non N1 nên đã quen với điều kiện và môi trường sống tại đây; hằng ngày, anh T1 và có sự hỗ trợ của cha, mẹ đẻ của anh T1 đưa đón cháu H1 đi học. Trường hợp giao cháu H1 cho

chị Y trực tiếp nuôi dưỡng thì phải thay đổi về chỗ ở, trường học cho cháu. Mặc dù, cháu H1 chỉ mới 04 tuổi, đang học tại Trường mầm non N1, dễ chuyển trường, nhưng cháu vẫn ít nhiều gặp khó khăn trong việc hòa nhập với môi trường mới. Mặt khác, theo xác nhận của Ban thôn H1; Chi hội phụ nữ thôn H1; Công an xã N1; Hội liên hiệp phụ nữ xã N1; UBND xã N1 đều xác nhận cha, mẹ đẻ của anh T1 đã hỗ trợ anh T1 cùng chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H1 phát triển tốt về mọi mặt. Để hạn chế việc xáo trộn về mọi mặt, ảnh hưởng đến việc sinh hoạt, học tập của cháu H1 nên giao cháu cho anh T1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp. Do đó, có cơ sở chấp nhận kháng cáo của anh T1, sửa bản án sơ thẩm, giao cháu H1 cho anh T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

[2.4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Mặc dù Hội đồng xét xử đã giải thích nhưng anh T1 chưa yêu cầu chị Y cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Trường hợp anh T1 có yêu cầu chị Y cấp dưỡng nuôi con thì khởi kiện thành vụ án khác.

[3] Tại phiên hòa giải ngày 22/8/2023 (bút lục 30-31) và tại phiên tòa sơ thẩm, anh T1 và chị Y thống nhất tự nguyện ly hôn, không thống nhất về việc người nào có quyền trực tiếp nuôi con, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại tuyên công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Y và anh T1 là không đúng theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, Hội đồng xét xử sửa lại cách tuyên cho chính xác, ghi nhận sự tự nguyện ly hôn của chị Y và anh T1.

[4] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về án phí:

[5.1] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh T1 và chị Y tự nguyện ly hôn nên chỉ phải chịu $\frac{1}{2}$ mức án phí dân sự sơ thẩm là 150.000 đồng; anh T1, chị Y mỗi người chỉ phải chịu 75.000 đồng, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại buộc chị Y phải chịu 300.000 đồng là không đúng quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, nên Hội đồng xét xử sửa phần án phí cho chính xác. Chị Y được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai số 0006569 ngày 12/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Quảng Ngãi. Chị Y được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 225.000 đồng.

[5.2] Về án phí phúc thẩm: Anh Lê Văn Tuấn T1 được chấp nhận kháng cáo, nên không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Anh T1 được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai số 0000256 ngày 11/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Quảng Ngãi. Anh T1 được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 225.000 đồng.

[6] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 148, khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 55, 58, 71, 72, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Chấp nhận kháng cáo của anh Lê Văn Tuấn T1; sửa bản án số 20/2023/HNGĐ-ST ngày 11 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện T.

1. Ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa chị Đặng Thị Thành Y và anh Lê Văn Tuấn T1.

2. Giao cháu Lê Gia H1 - sinh ngày 25/02/2019 cho anh Lê Văn Tuấn T1 tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Chị Đặng Thị Thành Y có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Anh Lê Văn Tuấn T1 chưa yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

3. Về án phí:

3.1. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Lê Văn Tuấn T1 và chị Đặng Thị Thành Y, mỗi người chịu 75.000 đồng (*bảy mươi lăm ngàn*) án phí dân sự sơ thẩm về quan hệ hôn nhân. Chị Đặng Thị Thành Y được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (*ba trăm ngàn*) theo Biên lai số 0006569 ngày 12/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Quảng Ngãi. Chị Đặng Thị Thành Y được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 225.000 đồng (*hai trăm hai mươi lăm ngàn*).

3.2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Anh Lê Văn Tuấn T1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Anh Lê Văn Tuấn T1 được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng (*ba trăm ngàn*) theo Biên lai số 0000256 ngày 11/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Quảng Ngãi. Anh Lê Văn Tuấn T1 được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 225.000 đồng (*hai trăm hai mươi lăm ngàn*).

4. Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- TAND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Trịnh Thị Thu Lan